

**TOÁN****Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 (Tiết 1)****I. Mục tiêu:****\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.
- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.
- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình



- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

**III. Các hoạt động dạy học:**

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <p>- GV cho chơi Trò chơi: ĐỐ BẠN</p> <p>+GV cho 3 số bất kì</p> <p>+ HS dùng sơ đồ tách – gộp để viết phép tính đúng</p> <p>Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.</p> <p>-Vào bài mới</p>	- HS chơi
<b>18'</b>	<b>B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH:</b>	
	<p><b>Hoạt động . Xây dựng biện pháp trừ có nhớ trong phạm vi 100</b></p> <p>-GV giới thiệu phép tính: <math>31 - 4 = ?</math></p> <p>-GV giới thiệu biện pháp tính:</p> <p>Để thực hiện phép trừ <math>31 - 4</math> ta có thể làm như sau:</p> <p>+Đặt tính: Viết số 31 rồi viết số 4 sao cho các chữ số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang.</p> <p>+Tính từ phải sang trái.</p> <p>-GV thực hiện trừ , gv giải thích : Nhớ 1, thêm 1</p> <p>-Cho vài HS nêu lại cách thực hiện phép trừ như trên.</p>	<p>-HS quan sát , nhận biết</p> <p>-HS đọc phép tính</p> <p>-HS thực hiện tính</p> <p>-HS nhắc lại</p>

<b>12'</b>	<b>C.THỰC HÀNH</b>	
	-HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện ở bảng con -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét
<b>3'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b>	
	-Nhắc lại cách đặt tính và tính - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện

## TOÁN

### Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 ( Tiết 2)

#### I.Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.
- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.
- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

##### *\*Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>7'</b>	<p><b>A.KHỞ ĐỘNG:</b></p> <p>GV cho chơi Trò chơi: ĐỐ BẠN</p> <p>+GV cho 3 số bất kì</p> <p>+ HS dùng sơ đồ tách – gộp để viết phép tính đúng</p> <p>Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.</p> <p>-Vào bài mới</p>	- HS chơi
<b>25'</b>	<p><b>B.LUYỆN TẬP</b></p>	
	<p><b>Bài 1:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS thực hiện theo nhóm</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm việc theo nhóm đôi, nêu cách thực hiện: Bớt để được số tròn chục rồi bớt tiếp</p> <p>-HS khác nhận xét</p>

	-GV nhận xét.	
	<b>Bài 2:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện -Yêu cầu HS đọc các phép tính theo thứ tự thực hiện -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét
	<b>Bài 3:</b> - HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện -GV theo dõi -GV yêu cầu HS đọc các phép tính theo sơ đồ tách gộp -GV nhận xét	-HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS: đọc phép tính -HS nhận xét
<b>3'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b> -Em học được gì sau bài học? - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện

## TOÁN

### Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 ( Tiết 3)

#### I.Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.

- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.
- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH; Toán học và cuộc sống

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

**III. Các hoạt động dạy học:**

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
-----------	---------------------------------	--------------------------------

<p>7'</p>	<p><b>A.KHỞI ĐỘNG:</b></p> <p>GV cho chơi Trò chơi: ĐỐ BẠN</p> <p>+GV cho 3 số bất kì</p> <p>+ HS dùng sơ đồ tách – gộp để viết phép tính đúng</p> <p>Nhóm nào đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.</p> <p>-Vào bài mới</p>	<p>- HS chơi</p>
<p>25'</p>	<p><b>B.LUYỆN TẬP</b></p>	
	<p><b>Bài 4:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD vận dụng sơ đồ tách gộp để tìm số thích hợp</p> <p>-HS trình bày cách làm</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 5:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- HD HS “tính rồi so sánh với 50” để vượt cá.</p> <p>định cái đã .</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi để làm bài</p> <p>-HS trình bày</p> <p>-HS nhận xét</p>

	<p><b>Bài 6:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán.</li> <li>-HS trình bày cách làm</li> <li>-GV nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS thực hiện cá nhân</li> <li>-HS khác nhận xét</li> </ul>
	<p><b>Bài 7:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS xếp hình con cá</li> <li>-HS trình bày cách làm</li> <li>-GV nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS thực hiện; HS gọi tên các hình đã dùng để xếp con cá</li> <li>-HS khác nhận xét</li> </ul>
<p><b>3'</b></p>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-GV đọc phép tính, HS thực hiện trên bảng con. Ví dụ: <math>38 + 29</math>; <math>75 + 8</math>;....</li> <li>-Em học được gì sau bài học?</li> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS lắng nghe, thực hiện</li> </ul>

## TOÁN

### Em làm được những gì? (Tiết 1)

#### I.Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Tính nhẩm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.
- Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).
- Tínl toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).



- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.

- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trừ các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét; xem lịch, xem đồng hồ).

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

**III. Các hoạt động dạy học:**

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG:</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát -HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	

	<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HS làm việc theo nhóm đôi</li> <li>-GV Hệ thống lại cách cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20: Làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại; Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</li> <li>-GV nhận xét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS thực hiện theo nhóm</li> <li>-HS khác nhận xét</li> </ul>
	<p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS Chưa thực hiện phép tính, xác định các phép tính có nhớ. ;Đặt tính rồi tính vào bảng con</li> <li>-GV nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS thực hiện:làm bài cá nhân, rồi chia sẻ với bạn</li> <li>-HS khác nhận xét</li> </ul>
	<p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS vận dụng sơ đồ tách gộp để tìm thành phần trong phép trừ</li> <li>-GV theo dõi</li> <li>-GV nhận xét, củng cố</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài cá nhân</li> <li>-HS khác nhận xét</li> </ul>
<b>3'</b>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-HS lắng nghe, thực hiện</li> </ul>

## TOÁN

## Em làm được những gì? (Tiết 2)

### I.Mục tiêu:

*\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Tính nhẩm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.
- Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trừ các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét; xem lịch, xem đồng hồ).

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

### III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	<b>A.KHỞI ĐỘNG:</b> - GV cho HS bắt bài hát	- HS hát

	-Vào bài mới	-HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<p><b>Bài 4:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS xác định số trên mỗi cái túi (dựa vào tia số), mỗi bạn nhỏ cầm một bài toán, kết quả của bài toán chính là số trên túi.</p> <p>-GV theo dõi</p> <p>-GV nhận xét, củng cố</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài cá nhân</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Vui học</b></p> <p>-Yêu cầu HS thảo luận để xác định các yêu cầu: đo, tính, so sánh.</p> <p>-HS làm bài cá nhân</p> <p>-GV nhận xét sửa chữa:</p> <p>a)Quãng đường Sên Xanh đi dài 10 cm.</p> <p>Sên Đỏ đi được 14 cm (vì Sên Đỏ đi được hai quãng đường dài 8 cm và 6 cm, HS có thể đo nối tiếp hai đoạn đường, cũng có thể đo từng đoạn rồi cộng).</p> <p>b)Quãng đường Sên Xanh đi ngắn hơn quãng đường Sên Đỏ đi là:</p> $14-10 = 4 \text{ (cm)}$ <p>Đáp số: 4 cm.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS xác định cái đã cho (bằng cách đo rồi tính đoạn đường đi của từng bạn sên) và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán.</p>
	<b>Bài 5:</b>	

	-HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS xem lịch, xem đồng hồ -GV theodõi , hướng dẫn -GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện: đọc ngày tháng, đọc giờ và nói kết quả cho bạn nghe trong nhóm đôi -HS khác nhận xét
	<p style="text-align: center;"><b>Đất nước em</b></p> GV giúp HS xác định vị trí Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ngãi trên bản đồ (SGK trang 130)	-HS lắng nghe -HS xác định
<b>3'</b>	<p style="text-align: center;"><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện

## TOÁN

### Em làm được những gì? (Tiết 1)

#### I.Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về số và phép tính.
- Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố các kiến thức, kĩ năng về hình học và đo lường.
- Thực hành xếp hình.

- GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.

GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

**III. Các hoạt động dạy học:**

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG:</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 1:</b> - HS nêu yêu cầu bài tập	- HS nêu yêu cầu bài tập.

	<p>-HD HS tìm hiểu từng câu, thực hiện rồi trình bày.</p> <p>a) Với mỗi số đều có thể nói theo hai cách: liền trước, liền sau.</p> <p>b) ? có thể là 19 hoặc 20.</p> <p>c) - Nhiều hơn 18 nhưng ít hơn 21 cái thì có thể là 19 hay 20 cái.</p> <p>- Số bút chì không là 20 vì 20 là số liền trước của 21.</p> <p>- Vậy số bút chì của mèo con là 19.</p> <p>-GV nhận xét</p> <p>Thư giãn</p> <p>GV đọc bài thơ Mèo con đi học.</p>	<p>-HS thực hiện theo nhóm đôi</p> <p>-HS khác nhận xét</p> <p>-HS nghe bài thơ: Mèo con đi học</p>
	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>--HD HS thực hiện ở bảng con</p> <p>-GV nhận xét.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 3:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS thực hiện ở bảng con</p> <p>-GV nhận xét, lưu ý cách đặt tính đúng</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>

	<p><b>Bài 4:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS <i>Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.</i></p> <p>-GV hỏi kết quả, cách tính</p> <p>-GV nhận xét sửa chữa</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời nhanh</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
<b>3'</b>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

## TOÁN

### Em làm được những gì? (Tiết 2)

#### I.Mục tiêu:

##### \*Kiến thức, kỹ năng:

- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
- Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
- Thực hành xếp hình.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.



**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

**III. Chuẩn bị:**

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

**III. Các hoạt động dạy học:**

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG:</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát -HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>	
	<b>Bài 5:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập -HD HS áp dụng cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 để giải quyết -GV nhận xét.	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện  -HS khác nhận xét

	<p><b>Bài 6:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-GV dùng hình minh họa làm mẫu</p> <p>-HD HS vận dụng công, trừ trong phạm vi 20 để làm</p> <p>-GV nhận xét</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 7:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS thực hành xếp hình.</p> <p>-GV nhận xét</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện theo nhóm đôi</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
	<p><b>Bài 8:</b></p> <p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS nhóm đôi quan sát hình ảnh, nhận biết đường đi của mỗi bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện từng câu.</li> <li>a) Sai (chỉ có hai đường gấp khúc).</li> <li>b) Đúng (<math>3\text{ cm} + 5\text{ cm} + 3\text{ cm} = 11\text{ cm}</math>).</li> <li>c) Sai (<math>10\text{ cm} + 2\text{ cm} = 12\text{ cm}</math>).</li> <li>d) Đúng (<math>10\text{ cm} = 1\text{ dm}</math>).</li> </ul> <p>-GV nhận xét</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện theo nhóm đôi</p> <p>-HS khác nhận xét</p>
<p><b>3'</b></p>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS lắng nghe, thực hiện</p>

## Em làm được những gì? (Tiết 3)

### I. Mục tiêu:

#### *\*Kiến thức, kỹ năng:*

- củng cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
- Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
- Thực hành xếp hình.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.

GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

#### *\*Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, trung thực, trách nhiệm

\*Tích hợp: TN & XH

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có)

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>2'</b>	<b>A.KHỞ ĐỘNG:</b> - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
<b>30'</b>	<b>C.LUYỆN TẬP</b>  <b>Bài 9:</b> -HS nêu yêu cầu bài tập Tìm hiểu bài, nhóm đôi tập nói tóm tắt ngắn gọn. Hôm qua: 9 ngôi sao. Hôm nay: 8 ngôi sao. Cả hai ngày: ... ngôi sao? Trình bày bài giải. -GV nhận xét, sửa chữa  <b>*Vui học:</b> -Tìm hiểu bài: - Tìm chiều cao mỗi bạn. - Trong ba bạn, có ai đã biết chiều cao? (Cà	- HS nêu yêu cầu bài tập.  -HS thực hiện Bài giải Số ngôi sao Mai gấp cả hai ngày: $6 + 8 = 17$ (ngôi sao) Đáp số: 17 ngôi sao. -HS khác nhận xét  -HS tìm hiểu

	<p>Tím 15 cm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm chiều cao hai bạn còn lại theo Cà Tím.</li> </ul> <p>GV hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cà Tím thấp hơn Ngô (Bắp) 3 cm tức là Ngô cao hơn Cà Tím 3 cm.</li> <li>• Cà Tím cao hơn Cà Chua 9cm tức là Cà Chua thấp hơn Cà Tím 9 cm.</li> </ul> <p><b>*Khám phá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HD HS tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh.</li> </ul> <p>Miệng bình nhỏ, đầu quạ không chui vào được để uống nước.</p> <p>Quạ thả sỏi vào bình.</p> <p>Quạ uống nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm giải thích tại sao quạ uống được nước.</li> <li>- GV có thể liên hệ thực tế: Khi pha nước chanh đá, người ta cho vào li: nước lọc, đường, chanh sao cho chỉ chiếm khoảng nửa li, tại sao vậy? (Vì khi cho nước đá vào, nước trong li dâng lên đầy li).</li> </ul> <p><b>*Thử thách</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HD HS nhóm sáu tìm hiểu bài, các em có thể viết các phép tính minh họa.</li> <li>- Các nhóm trình bày, có thể có nhiều cách giải thích:</li> </ul> <p>Đếm thêm 3: 2,5,8,11, 14,17.</p>	<p>-HS trả lời</p> <p>- HS nhóm bốn tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh.</p> <p>-HS trả lời:Thả sỏi vào, nước dâng lên (lượng nước vẫn thế, sức chứa ít đi).</p> <p>-HS nhận biết</p> <p>- HS nhóm sáu tìm hiểu bài, viết các phép tính minh họa.</p> $2 + 3 = 5$ $5 + 3 = 8$
--	--	---

	Vào thứ Bảy, cây cao 17 dm. - Có bạn nào cao 17 dm? <b>*Đặt nước em</b> - Hd HS quan sát ảnh ruộng bậc thang. - GV giới thiệu đôi nét về ruộng bậc thang và vẻ đẹp của nó. - HS nhận biết hình ảnh các đường cong trong ảnh. - HD HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên <i>bản đồ</i> -GV nhận xét.	..... $14 + 3 = 17$ -HS quan sát ảnh ruộng bậc thang. -HS chỉ các đường cong trong ảnh -HS tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên <i>bản đồ</i>
<b>3'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b> - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.	-HS lắng nghe, thực hiện

**TOÁN**
**NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)**
**I.Mục tiêu:**
**\*Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

**\*Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: TN & XH

### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
<b>3'</b>	<b>A.KHỞI ĐỘNG:</b> -GV cho HS bắt bài hát -Ôn định , vào bài	- HS hát
<b>20'</b>	<b>B.LUYỆN TẬP:</b>	
	<p><b><i>Hoạt động: Luyện tập</i></b></p> <p><b><i>*Bài 1:</i></b></p> <p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>(GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.)</p> <p>-GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói.</p> <p>Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”.</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS làm việc theo nhóm</p> <p>-HS trả lời</p>

	- GV nhận xét, củng cố	
	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>-HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (<math>10\text{ cm} - 6\text{ cm} = 4\text{ cm}</math>).</p> <p>-Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm.</p> <p>-Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>-GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>- GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
<b>12'</b>	<p><b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b></p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>



HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.

-GV nhận xét, tuyên dương

## TOÁN

### Em làm được những gì? ( Tiết 1)

#### I. Mục tiêu:

##### *\*Kiến thức, kĩ năng:*

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

##### *\*Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

\*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

#### III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

### III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	<p><b>A.KHỞI ĐỘNG :</b></p> <p>-Trò chơi: ĐÓ BẠN</p> <p>+GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?</p> <p>+Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.</p> <p>+GV: Gộp 80 và 7 được số nào?</p> <p>+Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.</p> <p>-Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.</p> <p>-GV vào bài</p>	-HS chơi
22'	<b>B.LUYỆN TẬP:</b>	
	<p><i>Hoạt động: Luyện tập</i></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <p>-Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Yêu cầu của bài: số?.</li> <li>• Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10).</li> </ul> <p>- Khi sửa bài, khuyến khích HS giải <b>thích</b> tại sao điền như vậy.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>a) Em đếm thêm 1.</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS làm ở bảng con</p> <p>-HS trả lời</p>

	b) Em đếm thêm 2. c) Em đếm thêm 10. - GV nhận xét, củng cố	
,	<p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.</li> <li>• Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3.</li> <li>• Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3.</li> <li>- Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.</li> </ul> <p>Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu</li> <li>-GV nhận xét</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS trả lời</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>
	<p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu yêu cầu bài tập</li> <li>-HD HS thực hiện</li> <li style="padding-left: 40px;"><math>34 + 52 = 86</math></li> <li style="padding-left: 40px;">34 là số hạng</li> <li style="padding-left: 40px;">52 là số hạng</li> <li style="padding-left: 40px;">86 là tổng</li> <li>-HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia.</li> <li>-HS thay ? bằng phép tính thích hợp</li> <li>-GV nhận xét ,bổ sung</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li> <li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li> </ul>

	<b>Bài 4:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS tìm <b>hiểu</b> bài, <b>nhận biết:</b> đặt tính rồi tính</li><li>- HS <b>thực hiện</b> (bảng con).</li><li>- Sửa bài.</li><li>• HS <b>làm</b> tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính).</li><li>* Lưu ý HS đặt đúng phép tính <math>8 + 41</math></li><li>-GV nhận xét ,bổ sung</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS nêu yêu cầu bài tập.</li> <li>-HS làm bài</li><li>-HS khác nhận xét, bổ sung.</li></ul>
<b>5'</b>	<b>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>-HS trả lời, thực hiện</li></ul>

Mời bạn đọc cùng tham khảo thêm tại mục <https://giaitoan.com/toan-lop2>



# GIAITOAN